

**BỘ TÀI CHÍNH  
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: **7434** /TCHQ-TXNK

V/v hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa  
nhập khẩu để SXKK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **24** tháng 11 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH Dịch vụ thép NST Hà Nội.  
(Lô D1, KCN Quế Võ, P. Vân Dương, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh)

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số NST/102020 ngày 06/11/2020 của Công ty TNHH Dịch vụ thép NST Hà Nội đề nghị hướng dẫn thủ tục hoàn thuế GTGT nộp nhằm nộp thừa. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Bộ Tài chính đã có công văn số 16386/BTC-TCHQ ngày 13/12/2017, công văn số 12247/BTC-CST ngày 05/10/2018 hướng dẫn về hoàn thuế GTGT đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu (đính kèm). Theo đó, trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký với bên nước ngoài (thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12) đã nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu thì số thuế GTGT đã nộp được xác định là số thuế nộp thừa và cơ quan hải quan thực hiện hoàn trả theo quy định.

Đề nghị Công ty TNHH Dịch vụ thép NST Hà Nội nghiên cứu nội dung công văn số 16386/BTC-TCHQ, công văn số 12247/BTC-CST nêu trên để thực hiện. Trường hợp vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai để được hướng dẫn cụ thể.

Tổng cục Hải quan thông báo để Công ty TNHH Dịch vụ thép NST Hà Nội được biết./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- PTCT Lưu Mạnh Tường (để b/cáo);
- Lưu: VT, TXNK (3).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK**



**Lê Như Quỳnh**



**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12247/BTC-CST  
V/v hoàn thuế GTGT nguyên  
liệu nhập khẩu để sản xuất, gia  
công hàng xuất khẩu.

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2018

Kính gửi:

- Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Cục Hải quan các địa phương.

Bộ Tài chính nhận được vướng mắc của một số Hiệp hội doanh nghiệp về việc hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu và đề nghị hướng dẫn rõ điểm 3 công văn số 16836/BTC-TCHQ ngày 13/12/2017. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

**1. Về chính sách hoàn thuế GTGT đối với nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu:**

Tại khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016) có quy định về hoàn thuế GTGT như sau:

*“2. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan...”*

Tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế có quy định về hoàn thuế GTGT như sau:

*“3. Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo; trường hợp vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử*



dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan và các văn bản hướng dẫn.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu không phải là trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu theo quy định tại Luật số 106/2016/QH13 và Nghị định số 100/2016/NĐ-CP vì nguyên liệu, hàng hóa nhập khẩu này khi xuất khẩu không còn giữ nguyên trạng như ban đầu.

## **2. Về cơ quan giải quyết hoàn thuế GTGT:**

Tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT có quy định “nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày 5/6/2018) có sửa đổi Điều 131 Thông tư số 38/2015/TT-BTC như sau:

### **“Điều 131. Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa**

1. Tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được xác định là nộp thừa theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP.”

### **“3. Trách nhiệm của cơ quan hải quan**

Cơ quan hải quan nơi phát sinh khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa thực hiện kiểm tra thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử, nếu xác định kê khai của người nộp thuế là chính xác thì phản hồi thông tin về việc hồ sơ kê khai đã được chấp nhận cho người nộp thuế. Trường hợp xác định kê khai của người nộp thuế chưa chính xác, cơ quan hải quan phản hồi thông tin từ chối tiếp nhận hồ sơ thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Trường hợp hồ sơ giấy cơ quan hải quan tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu nội dung đề nghị của người nộp thuế với các quy định của pháp luật về quản lý thuế, nếu xác định không đủ điều kiện hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, cơ quan hải quan thông báo theo mẫu số 12/TBKTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư trong thời hạn 08 giờ làm việc.



Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn hợp lệ của người nộp thuế đề nghị hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, cơ quan hải quan ban hành quyết định hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo mẫu số 09/QĐHT/TXNK Phụ lục VI và thông báo cho người nộp thuế. Trường hợp không đủ điều kiện hoàn thuế thực hiện thông báo theo mẫu số 12/TBKTT/TXNK Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.

4. Việc xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn thực hiện theo quy định tại Điều 132 Thông tư này. Số tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa được xử lý đồng thời với thuế nhập khẩu (nếu có)."

Căn cứ quy định nêu trên, thì:

Trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài (thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT) đã nộp thuế GTGT tại khâu nhập khẩu thì số thuế GTGT đã nộp được xác định là số thuế nộp thừa và cơ quan hải quan thực hiện hoàn thuế theo hướng dẫn tại khoản 64 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

Trường hợp hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu không theo hợp đồng gia công ký kết với bên nước ngoài (không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT), khi nhập khẩu doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế GTGT theo quy định, khi xuất khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định.

Cơ quan hải quan, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ thực tế của doanh nghiệp để thực hiện hoàn thuế theo quy định.

Bộ Tài chính hướng dẫn để các Cục Thuế, Cục Hải quan biết và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện./ *th*

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản;
- Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Dịch vụ Y tế Hà Nội;
- TCT; Vụ PC; TCHQ;
- Lưu: VT, Vụ CST(CST2).

TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ



Phạm Đình Thi



**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16 836 /BTC-TCHQ

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2017

V/v xử lý thuế GTGT đối với  
hàng hóa nhập khẩu để SXKK

Kính gửi:

- Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nam Ninh;
- Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nam;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nam.

Bộ Tài chính nhận được phản ánh vướng mắc Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai, Cục Hải quan tỉnh Bình Dương và một số doanh nghiệp đề nghị hướng dẫn xử lý thuế GTGT đã nộp đối với hàng nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu (danh sách các doanh nghiệp có vướng mắc kiến nghị kèm theo). Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13, thì: “Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”;

Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 thì nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT;

Căn cứ khoản 13 Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, điểm a khoản 1 Điều 49 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa;

Căn cứ khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13, thì: “Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan”;



Căn cứ khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, thì: “Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan và các văn bản hướng dẫn”;

Căn cứ điểm d1 khoản 2 Điều 129 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, thì: “Người nộp thuế chưa phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng của số lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu còn tồn kho, chưa đưa vào sản xuất hoặc đã sản xuất sản phẩm nhưng chưa xuất khẩu sản phẩm trên cơ sở kết quả kiểm tra theo quy định tại Điều 59 Thông tư này. Trường hợp đã nộp thuế giá trị gia tăng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì khi thực tế xuất khẩu sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu, người nộp thuế được hoàn lại tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng (nếu có) theo hướng dẫn tại Điều 49 Thông tư này”;

Theo hướng dẫn tại công văn số 18304/BTC-TCHQ ngày 16/12/2014 của Bộ Tài chính về hoàn trả thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp nhầm, nộp thừa.

1. Đối với tờ khai xuất khẩu trước ngày 01/7/2016.

Trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu cho cơ quan hải quan nhưng chưa được cơ quan Thuế hoàn (hoặc đã nộp Ngân sách Nhà nước số tiền thuế thu hồi theo quyết định truy thu của cơ quan thuế) thì cơ quan hải quan thực hiện hoàn thuế GTGT cho người nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế đã nộp thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu cho cơ quan hải quan, số tiền thuế GTGT đã được cơ quan thuế hoàn thì cơ quan thuế không thực hiện thu hồi số tiền thuế GTGT đã hoàn.

Trường hợp người nộp thuế đã kê khai, khấu trừ số thuế GTGT đã nộp thừa khâu nhập khẩu với cơ quan thuế nhưng chưa được hoàn thì cơ quan thuế hướng dẫn người nộp thuế thực hiện kê khai điều chỉnh lại số thuế GTGT đã nộp thừa khâu nhập khẩu và không tính tiền chậm nộp trong trường hợp kê khai điều chỉnh giảm với cơ quan thuế số thuế GTGT đầu vào đã nộp tại khâu nhập khẩu. Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT cho cơ quan hải quan.

Trên cơ sở kiến nghị của người nộp thuế, cơ quan hải quan nơi người nộp thuế đăng ký tờ khai hải quan phối hợp với người nộp thuế để xác định chi tiết theo từng tờ khai nhập khẩu về số tiền thuế GTGT đã nộp cho cơ quan hải quan; số tiền thuế GTGT đã được cơ quan thuế hoàn, số tiền thuế GTGT còn lại chưa được hoàn; số tiền thuế GTGT đề nghị cơ quan hải quan tiếp tục hoàn.



Các Chi cục Hải quan tổng hợp số liệu về số tiền thuế GTGT nộp nhằm, nộp thừa, số tiền thuế GTGT đã được cơ quan thuế hoàn, số tiền thuế GTGT còn lại cơ quan hải quan tiếp tục hoàn, đối chiếu với dữ liệu trên hệ thống kế toán tập trung tổng hợp số liệu báo cáo về Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

2. Cục Hải quan tổng hợp số liệu, phối hợp với Cục Thuế và Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố xác định số tiền thuế GTGT của các tờ khai nhập khẩu hàng hóa để sản xuất xuất khẩu (trong giai đoạn nêu trên) đã được Cục Thuế hoàn thuế GTGT từ dự toán cho người nộp thuế để thực hiện điều chỉnh giảm chi hoàn thuế GTGT từ dự toán hoàn thuế GTGT đồng thời tăng chi hoàn thuế GTGT do nộp nhằm nộp thừa. Căn cứ văn bản đề nghị của Cục Hải quan (có xác nhận của Cục Thuế), Kho bạc Nhà nước thực hiện điều chỉnh hạch toán giảm chi hoàn thuế GTGT (TK 8993- Chi hoàn thuế GTGT không kiểm soát dự toán) đồng thời hạch toán chi hoàn thuế GTGT do nộp nhằm, nộp thừa (TK 8951- Chi NS theo quyết định của cấp có thẩm quyền). Số tiền thuế GTGT nêu trên được hạch toán vào niên độ 2017.”

Sau khi Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố thống nhất về số tiền thuế GTGT cơ quan hải quan còn phải hoàn cho doanh nghiệp, các Chi cục Hải quan thực hiện xử lý hoàn tiền thuế GTGT cho các doanh nghiệp theo quy định tại Điều 49 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

3. Đối với các tờ khai xuất khẩu phát sinh từ ngày 01/7/2016 trở đi, việc xử lý thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu) thực hiện theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

Bộ Tài chính thông báo đề Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Hà Nam Ninh, Hà Nam biết và thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ CST, Vụ PC;
- Tổng cục Thuế;
- Kho bạc Nhà nước;
- Lưu: VT, TCHQ(19)

**KT. BỘ RƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Thị Mai**



**BỘ TÀI CHÍNH**

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP**  
**VƯƠNG MẮC VỀ THUẾ GTGT ĐỐI VỚI HÀNG NHẬP KHẨU ĐỂ SXKK**  
(Kèm theo công văn số *16836* /BTC-TCHQ ngày *13* /12/2017  
của Bộ Tài chính)

STT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Procter&Gamble Đông Dương	KCN Đồng An, phường Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương
2	Công ty TNHH King Jim (Việt Nam)	Lô D-4A-CN&D-4C-CN, KCN Mỹ Phước 3, TX. Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3	Công ty TNHH Dong Jin Leiports Vina	Lô D9-10, đường 5A, KCN Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
4	Công ty TNHH Yuan Chang	Lô N, KCN Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5	Công ty Dệt Daewon Việt Nam	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
6	Công ty TNHH Fuji Seal Việt Nam	Số 5 VSIP II-A, xã Vĩnh Tân, TX. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
7	Công ty TNHH Honda Lock Việt Nam	KCN Đồng Văn II, xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
8	Công ty TNHH Mao Bảo Việt Nam	Đường số 3, Tam An, Long Thành, Đồng Nai
9	Công ty TNHH MTV Perrin Việt Nam	109 Đường số 7, Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

